TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST Ngày: 22/6/2023 *V/v: Ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai và ông Nguyễn Trường Ca.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Đinh Quốc Cường- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 232/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2022, về việc Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06 ngày 06/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mạc Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Triệu Đức T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Biên bản ghi lời khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Mạc Thị H trình bày: Chị H và anh Triệu Đức T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn từ năm 1994 nhưng tổ chức đăng ký tại UBND xã H (nay là phường H) ngày 25/12/2002, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị H về quê nhà anh T chung sống, chị H làm nghề tự do còn anh T làm nghề lái xe. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì nảy sinh mâu. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng

về quan điểm sống, không thể bàn bạc với nhau được để phát triển kinh tế, anh T không chịu quan tâm lo lắng đến gia đình vợ con. Năm 2020 đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án Chí Linh nhưng được động viên và tạo điều kiện cho anh T sửa chữa nên chị H đã rút đơn về đoàn tụ nhưng từ đó đến nay quan hệ và tình cảm vợ chồng không được cải thiện, tháng 10/2022 chị H đã phải chuyển về nhà đẻ tại khu S, xã A, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh sống ly thân đến nay nhưng thường xuyên bị anh T gọi điện xúc phạm và gây khó khăn trong việc kinh doanh và sinh hoạt. Vì vậy chị H có yêu cầu xin được ly hôn với anh Triệu Đức T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Triệu Đức M- sinh năm 1996, Triệu Đức T1- sinh năm 1997, Triệu Đức C- sinh năm 1997. Hiện cả 03 con đều đã thành niên trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi hoặc mất khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên không phải giải quyết.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh T không đến Tòa án làm việc, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án nên chị H có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, sớm đưa vụ án ra xét xử và khi xét xử chị xin được vắng mặt.

Bị đơn anh Triệu Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố ý không đến Tòa án làm việc, có quan điểm và ý kiến đối với vụ án cho Tòa án nhưng không ký biên bản nên Tòa án đã lập biên bản theo quy định.

Chính quyền địa phương khu dân cư Đ, phường H đều xác định: Chị Mạc Thị H và anh Triệu Đức T có đăng ký kết hôn và cư trú tại khu dân cư Đ, phường H. Vợ chồng đã có nhà đất và 03 con đều đã trưởng thành. Vợ chồng có mâu thuẫn và chị H đã chuyển về nhà đẻ sống.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Mạc Thị H có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn anh Triệu Đức T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị H ly hôn anh Triệu Đức T. Về quan hệ con chung, công sức, tài sản, vay nợ chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc chị Mạc Thị H chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn anh Triệu Đức T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu dân cư Đ, phường H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ.

Bị đơn anh Triệu Đức T có mặt tại nơi cư trú, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Nguyên đơn chị Mạc Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị H và anh Triệu Đức T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn từ năm 1994 nhưng tổ chức đăng ký tại UBND xã H (nay là phường H) ngày 25/12/2002, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H anh T thấy rằng: Vợ chồng kết hôn từ năm 1994, trên cơ sở tự nguyện nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống trước đây cơ bản hòa thuận không có mâu thuẫn lớn. Đến năm 2009 mới nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, anh T ít quan tâm đến vợ con và gia đình, khi mâu thuẫn xảy ra các bên đã không tìm được tiếng nói chung để giải quyết, năm 2020 đã từng làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2022 đến nay. Khi chị H có đơn ly hôn lần này anh T cũng có ý kiến ly hôn nhưng không đến Tòa án giải quyết, để mặc quan hệ với chị H. Quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh T không thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Mạc Thị H xin ly hôn với anh Triệu Đức T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Triệu Đức M- sinh năm 1996, Triệu Đức T1- sinh năm 1997, Triệu Đức C- sinh năm 1997. Hiện cả 03 con đều đã thành niên trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi hoặc mất khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên không phải giải quyết.

[5] Về tài sản, vay nợ, công sức chung: không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Mạc Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị H ly hôn anh Triệu Đức T.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Mạc Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0003077 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường Hoàng Tân (q/l hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách